ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CHỢ MỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1503 /KH-UBND	*Chợ Mới, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn xã Chợ Mới năm 2026

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang về đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026;

Căn cứ Công văn số 3201/SGDĐT-GDNNGDTX ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang về việc triển khai, thực hiện kế hoạch đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026,

Ủy ban nhân dân xã Chợ Mới ban hành Kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn xã Chợ Mới năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Nhằm phổ biến kịp thời, đầy đủ cho người lao động về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề và việc làm.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc hỗ trợ đào tạo nghề phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng chính sách, công khai, minh bạch và hiệu quả theo quy định.

Làm cơ sở để địa phương xây dựng giải pháp phù hợp nhằm gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sau khi tham gia học nghề có thể tự tạo việc làm hoặc được tư vấn, giới thiệu, cung ứng đi làm việc ở tại địa phương hoặc các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Phấn đấu tối thiểu 80% học viên sau khóa học nghề có việc làm và có thu nhập ổn định.

2. Yêu cầu:

Việc triển khai kế hoạch phải được triển khai nghiêm túc, đồng bộ; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, là chủ trương lớn của địa phương.

Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, hội đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động hỗ trợ cho người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm việc làm; hỗ trợ người học nghề sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và chính sách đào tạo nghề nghiệp gắn với việc làm; nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, hội đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động người dân tích cực hưởng ứng về học nghề, tìm kiếm việc làm.

- Triển khai có hiệu quả các mô hình tạo việc làm tại địa phương, hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để tạo việc làm cho người lao động và tự tạo việc làm cho bản thân.

- Hỗ trợ mọi người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động và sẵn sàng làm việc đều có cơ hội tìm được việc làm ổn định, góp phần phát triển nền kinh tế, xã hội của xã nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề góp phần phát triển nguồn nhân lực với kỹ năng nghề cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, rút ngắn tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa khu vực nông thôn và thành thị; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cả về số lượng, chất lượng tại doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Phấn đấu đến cuối năm 2026, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

- Phấn đấu có từ 80% trở lên lao động nông thôn sau đào tạo nghề có việc làm hoặc tự tạo việc làm, tăng thu nhập ổn định.

- Năm 2026 kế hoạch tổ chức 7 lớp với tổng số 210 lao động được đào tạo nghề.

STT	TÊN NGHỀ	SỐ LỚP	SỐ HỌC VIÊN	THỜI GIAN ĐÀO TẠO (giờ)	Đơn vị đăng ký mở lớp
1	Hàn điện cơ bản	1	30	120	Hội nông dân xã
2	Kỹ thuật trồng rau an toàn	1	30	120	Hội nông dân xã
3	Đan lục bình	1	30	120	Hội phụ nữ
4	Tin học văn phòng cơ bản	2	60	120	Đoàn thanh niên xã, PVHXH
5	An toàn vệ sinh thực phẩm	1	30	120	Phòng Văn hóa – Xã hội
6	Kỹ năng hoạt náo quản trò	1	30	300	Đoàn thanh niên xã
	Tổng cộng	**7**	**210**		

Ghi chú: việc mở lớp và số lượng học viên có thể được điều chỉnh phù hợp nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí được phân bổ trong năm 2026.

- Thời gian thực hiện: từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2026.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Đối tượng đào tạo:

Người học nghề là lao động nông thôn có nhu cầu học nghề; ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp và các đối tượng được hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2. Chính sách hỗ trợ:

2.1. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng thuộc Tiểu dự án 1. Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn của Dự án 4. Phát triển GDNN, việc làm bền vững thuộc CTMTQG Giảm nghèo bền vững:

a. Đối tượng hỗ trợ:

Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

b. Chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng

Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng. Cụ thể:

- Hỗ trợ chi phí đào tạo:

+ Người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật và các văn bản hướng dẫn Luật: tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học;

+ Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: tối đa 4 triệu đồng/người/khóa học;

+ Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg; lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học;

+ Người thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học;

+ Người học là phụ nữ, lao động nông thôn khác không thuộc các đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này: tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học;

+ Trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu tại các Điểm a, b, c, d, đ Khoản này thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất;

+ Ngoài đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tùy theo điều kiện, khả năng của ngân sách địa phương bố trí và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ thêm cho các đối tượng khác (bao gồm cả đối tượng thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của địa phương) có nhu cầu học nghề.

- Hỗ trợ tiền ăn, đi lại:

+ Đối tượng được hỗ trợ: người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

+ Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học;

+ Mức hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở

xa nơi cư trú từ 15km trở lên;

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên;

+ Ngoài những đối tượng được hỗ trợ tiền ăn, đi lại nêu trên, các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở đào tạo tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo.

- Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, những người trước đây đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách hiện hành khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại Thông tư này. Trường hợp người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Thông tư này nhưng tối đa không quá 03 lần/người.

2.2. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng thuộc Nội dung 9. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường" trong nội dung thành phần 03 thuộc chu CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

a. Đối tượng:

Người dân, cộng đồng dân cư, người học trong cơ sở GDNN, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

b. Chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng:

Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp với Phòng Văn hoá – Xã hội xã và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo nghề, đặc biệt là các lớp tổ chức lưu động tại các xã, ấp, hộ dân, … trên địa bàn (yêu cầu có biên bản ghi nhận nội dung, kết quả kiểm tra, giám sát), qua đó đánh giá tình hình thực hiện, chất lượng, hiệu quả các nội dung, hoạt động. Các mục chi, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn kinh phí được phân bổ từ các chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và nông thôn mới theo Ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội:

- Tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động gắn với việc làm, đồng thời triển khai kế hoạch này đến các ấp để đồng thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp các ngành liên quan, các tổ chức chính trị xã hội tham mưu UBND xã thực hiện nội dung kế hoạch này. Tổ chức nâng cao năng lực và truyền thông giảm nghèo, cán bộ làm công tác giảm nghèo, nhân rộng mô hình giảm nghèo, nâng cao nhận thức người nghèo, hỗ trợ người nghèo và thực hiện giám sát, đánh giá kế hoạch.

- Phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên khảo sát, đề xuất kịp thời những giải pháp, chính sách để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chủ trương đào tạo nghề, giải quyết việc làm; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tào nghề cho người lao động trên địa bàn xã; tổ chức giám sát đầu ra của lớp đào tạo nghề để gắn kết với việc làm đạt hiệu quả cao.

- Giúp Ủy ban nhân dân xã quản lý, theo dõi, giám sát các lớp dạy nghề (tiến độ, thời gian hợp đồng đã ký, đầu ra, tỷ lệ có việc làm sau khi kết thúc lớp học). Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, việc làm báo cáo định kỳ hàng hàng tháng, quý và theo yêu cầu đột xuất cho UBND xã, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Rà soát thống kê số lao động chưa có việc làm, bị mất việc làm, thất nghiệp trên địa bàn, tuyên truyền vận động lao động tham gia học nghề nghiệp, đăng ký học nghề.

- Xác nhận vào đơn đăng ký học nghề của người lao động, đồng thời chịu trách nhiệm về việc xác nhận đối tượng học nghề theo quy định và các điều kiện để làm việc theo nghề đăng ký học.

- Chủ động quan hệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định) hợp tác đào tạo nghề cho người lao động theo yêu cầu và nguyện vọng của họ nhằm đẩy nhanh công tác đào tạo nghề cho người lao động đạt về chất cả về lượng.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả đầu ra để thống kê tỷ lệ lao động có việc làm sau khi lớp học kết thúc.

- Cập nhật và quản lý số lao động sau khi tham gia đào tạo nghề được vay vốn để sản xuất kinh doanh và số hộ thoát nghèo sau 01 năm học nghề.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động (nhất là các chính sách cho vay vốn đối với lao động nông thôn tham gia học nghề) được vay vốn sau khi học nghề để đầu tư sản xuất, tạo việc làm phù hợp và nâng cao thu nhập.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp:

- Có kế hoạch tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và của toàn xã hội về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

- Đưa tin, phóng sự các mô hình có hiệu quả, các gương điển hình tiên tiến cần nhân rộng trong lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

3. Các cơ sở đào tạo nghề:

- Phấn đấu thực hiện đào tạo nghề cho người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp theo kế hoạch đề ra.

- Phối hợp tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề đúng đối tượng, thực hiện tốt kế hoạch dạy nghề của xã và của tỉnh;

- Cấp đơn xin học nghề và ký xác nhận vào đơn cho người lao động đăng ký tham gia đào tạo nghề.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ nghề cho học viên đạt yêu cầu sau khi kết thúc khoá học.

- Nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, xây dựng kế hoạch mở lớp dạy nghề phù hợp nhu cầu của thị trường, gắn với đảm bảo có việc làm tại chỗ hoặc làm việc ở các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh sau khi tốt nghiệp; đảm bảo tối thiểu 85% lao động sau khi học nghề có việc làm.

- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo các chứng từ thu, chi, thanh toán theo chế độ kế toán hiện hành; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ đó.

4. Các ban ngành, đoàn thể, tổ chức - chính trị xã:

Cần xây dựng kế hoạch đào tạo nghề một cách cụ thể, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị mình, có phân kỳ thực hiện, ngành nghề đào tạo và số lao động tham gia đào tạo nghề gửi về Phòng Văn hóa – Xã hội để tổng hợp, thẩm định và tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho người lao động đúng theo thẩm quyền và quy định.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Chợ Mới:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, lực lượng lao động trong xã hội tham gia học nghề, đăng ký làm việc ở các doanh nghiệp, đi xuất khẩu lao động để thoát nghèo bền vững, ổn định cuộc sống.

Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia học nghề, giải quyết việc làm, góp phần giảm nghèo bền vững.

6. Lao động nông thôn tham gia học nghề:

- Phải là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người

lao động có thu nhập thấp và có hồ sơ học nghề, xác định được nhu cầu nghề cần học thì mới được nhà nước hỗ trợ kinh phí học nghề.

- Được quyền lựa chọn ngành nghề để học, lựa chọn cơ sở dạy nghề có uy tín để đăng ký học nghề

- Chấp hành nghiêm túc các nội quy, quy định chung của lớp học và cơ sở dạy nghề.

7. Chế độ báo cáo:

Phòng Văn hóa – Xã hội có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu UBND xã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn xã Chợ Mới năm 2026. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Công chức Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;
- Đảng ủy xã;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch xã;
- VP HĐND-UBND xã;
- Các phòng, ban có liên quan;
- Lưu VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CHỢ MỚI T. AN GIANG

Huỳnh Thanh Tuấn